

**QUÝ 1
2021**

**Bản tin
chuyên đề**

ISG

CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ QUỐC TẾ

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

TRONG SỐ NÀY:

- **Kết quả hoạt động phát triển ngành nông nghiệp Quý I/2021**
- **Những quyết sách mới thúc đẩy phát triển ngành**
- **Hợp tác quốc tế**

NGÀNH NÔNG NGHIỆP HOÀN THÀNH TỐT NHIỆM VỤ QUÝ I NĂM 2021

Tăng trưởng nông nghiệp quý I/2021 cả nước đạt 3,16%

Tổng cục Thống kê thông báo số liệu chính thức về tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam, trong đó tổng sản phẩm trong nước (GDP) Quý I/2021 ước tính tăng 4,48% so với cùng kỳ năm trước.

Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,16%, đóng góp 8,34% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 6,3%, đóng góp 55,96%; khu vực dịch vụ tăng 3,34%, đóng góp 35,70%.

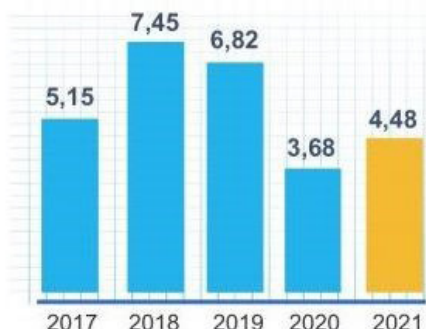
Theo GSO, trong bối cảnh từ cuối tháng Một đến đầu tháng Ba, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp

tại một số địa phương, ảnh hưởng tiêu cực tới tình hình kinh tế - xã hội cả nước, kết quả tăng trưởng quý I cho thấy sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, kịp thời của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và sự nỗ lực của các cấp, các ngành, người dân và doanh nghiệp để tiếp tục thực hiện hiệu quả mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế”.

Đối với khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản trong quý I/2021 tăng cao so với cùng kỳ năm trước do năng suất lúa, sản lượng cây lâu năm đạt khá, dịch tả lợn Châu Phi được kiểm soát tốt, sản lượng thịt hơi xuất chuồng tăng khá, đồng thời thị trường xuất khẩu các mặt hàng gỗ và lâm sản được mở rộng.

Tốc độ tăng GDP quý I các năm giai đoạn 2017-2021 (%)

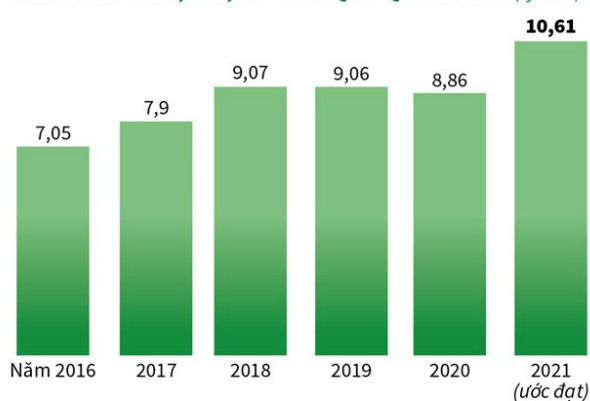


Tốc độ tăng giá trị tăng thêm 3 khu vực kinh tế



*) Nguồn: Tổng cục Thống kê (GSO).

XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN QUÝ I QUA CÁC NĂM (tỷ USD)



Nguồn: Bộ Nông nghiệp & PTNT

Trong đó, ngành nông nghiệp tăng 3,19%, chỉ thấp hơn mức tăng của quý I các năm 2011 và 2018 trong giai đoạn 2011-2021, làm tăng 0,29 điểm phần trăm mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 3,78% nhưng chiếm tỷ trọng thấp nên chỉ đóng góp 0,02 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 2,90%, cao hơn mức tăng 2,79% của cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,07 điểm phần trăm.

Đối với khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu nông, lâm, thủy sản quý I/2021 ước đạt 18,34 tỷ USD; trong đó xuất khẩu đạt 10,61 tỷ USD, tăng 19,7% so với cùng kỳ năm ngoái; nhập khẩu đạt 7,74 tỷ USD, tăng 44,7%. Giá trị nông, lâm, thủy sản quý I xuất siêu khoảng 2,87 tỷ USD, giảm 18,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Riêng tháng 3, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt 4,12 tỷ USD, tăng 20% so với cùng kỳ năm ngoái, tăng 57,4% so với tháng 2/2021; trong đó, giá trị xuất khẩu nhóm nông sản chính ước đạt 1,75 tỷ USD, lâm sản chính ước đạt 1,52 tỷ USD, thủy sản đạt 685 triệu USD và chăn nuôi đạt 37 triệu USD...

Tính chung quý I, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản ước đạt 10,61 tỷ USD, tăng 19,7% so với quý I/2020. Riêng nhóm nông sản chính xuất khẩu đạt 4,59 tỷ USD, tăng 10,2%; lâm sản chính đạt 3,94 tỷ USD, tăng 41,6%; thủy sản đạt 1,69 tỷ USD, tăng 3,3%; chăn nuôi 89 triệu USD, tăng 34,7%.

Trong quý I, nhiều mặt hàng đạt giá trị xuất khẩu cao hơn so với cùng kỳ năm ngoái như: cao su, chè, rau quả, sắn, tôm, các sản phẩm lâm sản. Cụ thể, giá trị xuất khẩu cao su đạt khoảng 721 triệu USD, tăng 116%; chè đạt 41 triệu USD, tăng 6,2%;

rau quả khoảng 944 triệu USD, tăng 6,1%; sắn đạt 116 triệu USD, tăng 23,3%; tôm đạt 773 triệu USD, tăng 8,3%; gỗ và sản phẩm gỗ đạt khoảng 3,7 tỷ USD, tăng 41,5%; mây, tre, cói thảm đạt 199 triệu USD, tăng 49,2%.

Tuy nhiên, vẫn có những mặt hàng có giá trị xuất khẩu giảm như: cà phê đạt 771 triệu USD, giảm 11,3%; gạo đạt khoảng 606 triệu USD, giảm 17,4%; hạt điều 634 triệu USD; giảm 5,8%; cá tra đạt 373 triệu USD, giảm 2,6%.

Giá trị xuất khẩu nông, lâm, thủy sản tới các thị trường thuộc khu vực Châu Á chiếm 54,4% thị phần; châu Mỹ 32,2%; Châu Âu 11,8%... Trong số đó, 4 thị trường xuất khẩu chính là Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc đều có sự tăng trưởng mạnh trong xuất khẩu với mức tăng lần lượt là 45,8%, 39,5%, 3,4% và 9,5% so với cùng kỳ năm 2020.

Giá trị nhập khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản trong quý I tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2020 bởi nhiều nhóm mặt hàng tăng mạnh. Tính chung quý I, kim ngạch NK các mặt hàng NLTS ước khoảng 7,74 tỷ USD, tăng 44,7% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, giá trị NK các mặt hàng nông sản chính ước đạt 3,7 tỷ USD, tăng 66,7%; nhóm hàng thủy sản ước khoảng 505 triệu USD, tăng 21,6%; nhóm lâm sản chính khoảng 728 triệu USD, tăng 34,7%; nhóm sản phẩm chăn nuôi khoảng 913 triệu USD, tăng 14%; nhóm đầu vào sản xuất khoảng 1,88 tỷ USD, tăng 37,8%.

Trong thời gian tới, để thúc đẩy xuất khẩu và đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại quốc tế, Bộ Nông nghiệp & PTNT sẽ tăng cường phổ biến, hướng dẫn các quy định thị trường, rào cản kỹ thuật trong thương mại nông sản, định hướng xuất khẩu nông, lâm, thủy sản tại các thị trường trọng điểm. Các đơn vị chức năng tiếp tục tổng hợp các thông báo và cảnh báo từ các đối tác thương mại và các nước thành viên Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), phối hợp với các đơn vị liên quan trong mạng lưới phản hồi các góp ý đối với dự thảo biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động - thực vật (SPS) mới của Việt Nam đã thông báo với WTO.

Với thị trường trong nước, Bộ tiếp tục theo dõi, nắm bắt và tổng hợp thông tin, số liệu về giá cả, tình hình sản xuất và nguồn cung các mặt hàng nông sản tại các địa phương trong nước, đặc biệt là các địa phương bị ảnh hưởng trực tiếp bởi dịch COVID-19.

NHỮNG CHÍNH SÁCH MỚI HỖ TRỢ THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN NGÀNH CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

Ngày 25/02/2021, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 255/QĐ-TTg về việc phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2025 nhằm tiếp tục thực hiện cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu và kết nối bền vững với chuỗi giá trị nông sản toàn cầu.

Mục tiêu chung của kế hoạch là tiếp tục thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản; bảo vệ môi trường, sinh thái; nâng cao thu nhập cho người dân ở khu vực nông thôn; đảm bảo an ninh lương thực và an ninh quốc phòng. Đẩy mạnh phát triển nền nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, gắn với phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thích ứng với biến đổi khí hậu và kết nối bền vững với chuỗi giá trị nông sản toàn cầu.



Mục tiêu cụ thể đến năm 2025:

- Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng ngành nông nghiệp đạt bình quân từ 2,5 đến 3,0%/năm. Tốc độ tăng năng suất lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản (sau đây gọi là nông nghiệp) đạt bình quân từ 7,0 đến 8,0%/năm.
- Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông, lâm, thủy sản được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết đạt khoảng 30%; tỷ lệ giá trị sản phẩm nông sản được sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt

hoặc tương đương đạt khoảng 25%; tỷ trọng giá trị sản phẩm nông sản ứng dụng công nghệ cao đạt khoảng 20%; tốc độ tăng giá trị gia tăng công nghiệp chế biến nông sản đạt trên 8%/năm; diện tích nhóm đất nông nghiệp sản xuất hữu cơ đạt khoảng từ 1,5 đến 2% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp; tốc độ tăng giá trị kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt bình quân trên 5%/năm.

- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm còn khoảng 25%; Tỷ lệ lao động nông nghiệp qua đào tạo đạt trên 55%; Trên 80% hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả; thu nhập của cư dân nông thôn tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2020.

- Tỷ lệ sản phẩm phân bón hữu cơ trong tổng sản phẩm phân bón được sản xuất và tiêu thụ đạt trên 15%; tăng số lượng thuốc bảo vệ thực vật sinh học trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng lên trên 30%; Tỷ lệ che phủ rừng được duy trì ổn định 42%, tăng cường chất lượng rừng.

Nhiệm vụ chủ yếu đến năm 2025

Để đạt được mục tiêu đề ra, 03 nhóm nhiệm vụ chính của Kế hoạch là: (1) Cơ cấu sản phẩm theo 3 trục sản phẩm chủ lực; (2) Cơ cấu lại sản xuất theo từng lĩnh vực; (3) Cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo vùng.

(1) Cơ cấu theo 3 nhóm sản phẩm: Nhóm sản phẩm quốc gia; nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh; nhóm sản phẩm đặc sản địa phương.

Đối với nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia: Tập trung đầu tư, phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, gắn với công nghiệp chế biến nông sản theo hình thức liên kết chuỗi giá trị bền

vững. Ưu tiên nguồn lực đầu tư để thúc đẩy cơ giới hóa đồng bộ, ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng các chuỗi giá trị gắn với hệ thống quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và phát triển thương hiệu quốc gia. Tăng cường liên kết vùng, liên kết ngành để đầu tư phát triển các sản phẩm chủ lực quốc gia; đẩy mạnh hợp tác quốc tế và các hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường nhằm tháo gỡ các rào cản thương mại, thúc đẩy xuất khẩu. Đối với nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh: Đẩy mạnh sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt và tương đương, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường; tăng cường chế biến để đa dạng hóa sản phẩm, phát triển các sản phẩm có chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc rõ ràng.

Đối với nhóm sản phẩm đặc sản địa phương: Tập trung triển khai các cơ chế, chính sách, giải pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực tổ chức sản xuất, từng bước tiếp cận thị trường bền vững theo chuỗi giá trị sản phẩm gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là phát triển mô hình du lịch cộng đồng ở nông thôn.

(2) Cơ cấu lại sản xuất theo từng lĩnh vực

Trồng trọt: cơ cấu lại sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt theo hướng giảm tỷ trọng giá trị sản xuất cây lương thực xuống còn khoảng 35%, cây công nghiệp ngắn ngày khoảng 2,1% và cây công nghiệp lâu năm còn khoảng 14,5%, tăng tỷ trọng cây ăn quả lên 21%, rau 17% nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của thị trường, góp phần bảo đảm an ninh lương thực quốc gia trong tình hình mới; Tốc độ tăng bình quân giá trị sản xuất đạt từ 2,0 đến 2,2%/năm, giá trị gia tăng (GDP) bình quân đạt từ 1,8 đến 2,0%/năm; giá trị sản phẩm thu hoạch trên một ha đất trồng trọt đạt khoảng 120 triệu đồng/ha.

Chăn nuôi: Tốc độ tăng bình quân giá trị sản xuất đạt từ 4 đến 5%/năm, giá trị gia tăng bình quân đạt từ 3,5 đến 4,5%/năm. Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, chăn nuôi tuần hoàn; chăn nuôi trang trại, hộ chăn nuôi chuyên nghiệp bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, thân thiện với môi trường; Chuyển đổi cơ cấu đàn vật nuôi, hướng tới giảm tỷ trọng đàn lợn, tăng tỷ trọng đàn gia cầm và gia súc ăn cỏ.

Thủy sản: phát triển nuôi trồng và khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế, bảo vệ quốc phòng, an ninh trên các vùng biển, hải đảo.

Đẩy mạnh nuôi biển xa bờ, tập trung vào các đối tượng có giá trị kinh tế cao; phát triển nuôi trồng thủy sản hữu cơ. Tăng cường khai thác thủy sản vùng khơi hiệu quả, bền vững trên cơ sở trữ lượng nguồn lợi thủy sản; xây dựng cơ cấu tàu thuyền, nghề nghiệp, xác định và phân bổ hạn ngạch khai thác thủy sản phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cho phép khai thác của nguồn lợi thủy sản. Tổ chức lại hoạt động khai thác hải sản vùng lộng, ven bờ và khai thác nội địa hợp lý, gắn phát triển sinh kế của cộng đồng ngư dân với nuôi trồng thủy sản và du lịch sinh thái. Tốc độ tăng bình quân giá trị sản xuất đạt từ 3,5 đến 4,0%/năm, giá trị gia tăng bình quân đạt từ 3,3 đến 3,8%/năm. Cơ cấu lại sản xuất theo hướng tăng tỷ trọng nuôi trồng lên khoảng 60%, giảm tỷ trọng khai thác xuống còn khoảng 40%.

Lâm nghiệp: Bảo vệ và phát triển bền vững diện



tích rừng hiện có. Tiếp tục tăng cường quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên. Phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững; đổi mới mô hình tăng trưởng từ dựa vào mở rộng diện tích và khối lượng sang tập trung vào nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm lâm nghiệp. Phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ; lâm nghiệp đô thị, cảnh quan và các loại hình du lịch bền vững gắn với rừng. Triển khai hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng. Tốc độ tăng bình quân giá trị sản xuất đạt từ 5,0 đến 5,5%/năm, giá trị gia tăng bình quân đạt từ 4,8 đến 5,3%/năm. Diện tích rừng gỗ lớn đạt khoảng 30% tổng diện tích rừng trồng mới; năng suất rừng trồng đạt bình quân 20m³/ha/năm. Diện tích rừng trồng sản xuất được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững đạt khoảng 0,5 triệu ha.

Diêm nghiệp: Cần cải tạo, nâng cấp và hiện đại hóa hạ tầng, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng sản lượng muối công nghiệp, muối sạch; hình thành vùng trọng điểm sản xuất muối quy mô công nghiệp tại các tỉnh Nam Trung Bộ; giảm mạnh diện tích sản xuất muối thủ công, hiệu quả thấp; chuyển đổi diện tích sản xuất muối kém hiệu quả sang lĩnh vực khác có hiệu quả kinh tế cao hơn.

Chú trọng sản xuất, chế biến muối chứa nhiều khoáng chất, vi chất dinh dưỡng tự nhiên với hàm lượng NaCl thấp, có lợi cho sức khỏe. Tổng diện tích sản xuất muối duy trì khoảng 14.500 ha, sản lượng đạt 1,5 triệu tấn/năm, diện tích muối sản xuất công nghiệp đạt khoảng 4.805 ha.

(3) Cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo vùng

Đẩy mạnh liên kết vùng trong phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững giữa các địa phương nhằm khai thác lợi thế, tiềm năng của mỗi vùng và của từng địa phương, cụ thể là vùng trung du miền núi phía Bắc, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Bắc Trung Bộ, vùng duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên, vùng Đông Nam Bộ, vùng đồng bằng sông Cửu Long

PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN THÚC ĐẨY XUẤT KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN ĐẾN NĂM 2030

Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 174/QĐ-TTg, ngày 05/02/2021 phê duyệt Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản (NLTS) đến năm 2030 với mục tiêu giá trị xuất khẩu nông lâm thủy sản của Việt Nam đạt khoảng 60 – 62 tỷ USD vào năm 2030.

Mục tiêu chung của Đề án đến năm 2030 là thúc đẩy tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm NLTS, tham gia toàn diện và bền vững vào chuỗi cung ứng NLTS, thực phẩm toàn cầu. Nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm NLTS xuất khẩu của Việt Nam nhằm đáp ứng được các quy định của các thị trường nhập khẩu. Tiếp tục định vị và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm NLTS của Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Đến năm 2030, giá trị xuất khẩu NLTS của Việt Nam đạt khoảng 60-62 tỷ USD; trong đó, nhóm nông sản chính đạt 25 tỷ USD, lâm sản đạt khoảng 16 - 17 tỷ USD, thủy sản đạt 15 tỷ USD, sản phẩm chăn nuôi đạt từ 3 - 4 tỷ USD, mặt hàng NLTS khác đạt khoảng 2 tỷ USD.

Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu NLTS đạt khoảng 6% - 8%/năm; khoảng 40% sản phẩm NLTS của Việt Nam xuất khẩu được gắn thương hiệu quốc gia, 70% sản phẩm truy xuất được nguồn gốc; khoảng 60% giá trị xuất khẩu các sản phẩm NLTS là qua chế biến và chế biến sâu.



Giải pháp chung để hoàn thành mục tiêu trên là rà soát, hoàn thiện thể chế, chính sách xuất khẩu NLTS tiếp tục thực hiện và hoàn thiện chính sách thúc đẩy xuất khẩu NLTS. Trong đó, Đề án sẽ rà soát, sửa đổi, bổ sung các chính sách ưu đãi, thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản để nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm NLTS, đảm bảo an toàn thực phẩm và phát triển công nghiệp phụ trợ, chế biến NLTS đảm bảo phù hợp với nhu cầu thị trường; hoàn thiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu NLTS trong việc xác lập, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp tại các thị trường xuất khẩu.

Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng, triển khai các hoạt động nhằm phát triển thương hiệu sản phẩm; quảng bá hình ảnh, thương hiệu sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng trong nước và quốc tế...

PHÁT TRIỂN ĐA DẠNG PHƯƠNG THỨC KINH DOANH TIÊU THỤ NÔNG SẢN THEO CHUỖI BỀN VỮNG



Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 phê duyệt 'Đề án Đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021 - 2025 định hướng đến năm 2030'. Theo đó, mục tiêu cụ thể của Đề án là tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo quy mô lớn, đúng quy hoạch và

yêu cầu của thị trường, trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ, truy xuất nguồn gốc nông sản; gắn với đó là tổ chức thương mại trong nước, ngoài nước theo hướng hiện đại.

Giải pháp chính để phát triển đa dạng phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản theo chuỗi bền vững, cụ thể:

- a) Rà soát, hoàn thiện chính sách về phát triển liên kết sản xuất tiêu thụ nông sản
 - Các quy định pháp luật về đất đai, thuế, khoa học công nghệ và các pháp luật khác có liên quan để đề xuất sửa đổi, bổ sung, tạo điều kiện xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.
 - Tiếp tục rà soát, đề xuất Chính phủ sửa đổi,

bổ sung hoàn thiện các chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ nhằm thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông dân và nông thôn, đặc biệt là các chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ các chủ thể tham gia liên kết tiêu thụ nông sản.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích nghiên cứu xây dựng thương hiệu nông sản.

b) Tiếp tục thực hiện và hoàn thiện chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các chính sách ưu đãi, phát triển hạ tầng thương mại để tạo đồng bộ, thuận lợi cho phát triển các loại hình kết cấu hạ tầng thương mại, đặc biệt tại khu vực nông thôn và các loại hình có tính lan tỏa như trung tâm logistic, chợ đầu mối.
- Nâng cấp, phát triển chợ truyền thống, kết hợp với từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ của chợ, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống hàng ngày của người dân trên địa bàn nông thôn; tập trung cải tạo, nâng cấp các chợ đô thị tại trung tâm quận, thị xã, thành phố hiện có; tiếp tục kiện toàn và nâng cao năng lực hoạt động của tổ chức quản lý chợ, khuyến khích phát triển chợ an toàn vệ sinh thực phẩm, chợ văn minh thương mại. Tập trung cải tạo, nâng cấp các chợ trung tâm quận, thị xã, thành phố hiện có theo hướng văn minh, bảo đảm an toàn thực phẩm.

- Tiếp tục phát triển các trung tâm hội chợ triển lãm thương mại, trung tâm Logistics theo quy hoạch đã được phê duyệt.

Đối với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ tướng giao:

- Phối hợp Bộ Công Thương chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai thực hiện Đề án này.
- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành hướng dẫn cụ thể việc triển khai thực hiện Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp để hỗ trợ và tạo nguồn lực cho các chủ thể tham gia kênh tiêu thụ nông sản thời gian tới.
- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương xây dựng quy hoạch vùng sản xuất các mặt hàng nông sản chủ lực, có ưu thế của địa phương; quy hoạch các nhà máy chế biến nông sản phù hợp với quy hoạch sản xuất nhằm tạo điều kiện cho việc hình thành các vùng sản xuất nông sản tập trung gắn với truy xuất nguồn gốc, tạo nguồn cung hàng nông sản ổn định đảm bảo an toàn thực phẩm cho các doanh nghiệp kinh doanh nông sản

PHÁT TRIỂN THỦY SẢN THÀNH NGÀNH KINH TẾ QUY MÔ

Ngày 11/3/2021, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã ký Quyết định số 339/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Mục tiêu chung đến năm 2030 cần phải phát triển thủy sản thành ngành kinh tế quan trọng của quốc gia, sản xuất hàng hóa lớn gắn với công nghiệp hóa - hiện đại hóa, phát triển bền vững và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; có cơ cấu và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, năng suất, chất lượng, hiệu quả cao; có thương hiệu uy tín, khả năng cạnh tranh và hội nhập quốc tế; đời sống vật chất tinh thần của người dân không ngừng nâng cao, bảo đảm an sinh xã hội...

Một số chỉ tiêu chủ yếu của ngành thủy sản đến năm 2030:

Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất thủy sản đạt 3,0 - 4,0%/năm. Tổng sản lượng thủy sản sản xuất trong nước đạt 9,8 triệu tấn; trong đó sản lượng nuôi trồng thủy sản 7,0 triệu tấn, sản lượng khai thác thủy sản 2,8 triệu tấn.



Giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 14 - 16 tỷ USD. Giải quyết việc làm cho trên 3,5 triệu lao động, có thu nhập bình quân đầu người lao động thủy sản tương đương thu nhập bình quân chung lao động cả nước. Xây dựng các làng cá ven biển, đảo thành các cộng đồng dân cư văn minh, có đời sống văn hóa tinh thần đậm đà bản sắc riêng gắn với xây dựng nông thôn mới.

Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT

thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg

Ngày 06/5/2021, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ký Quyết định số 1960/QĐ-BNN-TCTS ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó, đề ra 04 nhóm nhiệm vụ chính là (1) Hoàn thiện tổ chức bộ máy, thể chế; (2) Xây dựng chương trình, đề án ưu tiên thực hiện Chiến lược, gồm 03 Chương trình quốc gia và 08 Đề án phát triển ngành thủy sản; (3) Phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ; và (4) Tổ chức sản xuất thủy sản trong lĩnh vực bảo tồn, phát triển nguồn lợi

thủy sản; Nuôi trồng thủy sản; Khai thác thủy sản; và Chế biến, tiêu thụ sản phẩm thủy sản. Kế hoạch hành động cũng đưa ra 6 nhóm giải pháp thực hiện, bao gồm: (1) Tăng cường đầu tư chuyên ngành thủy sản hiệu quả; (2) Tổ chức sản xuất thủy sản; (3) Nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ; (4) Nâng cao năng lực chế biến thủy sản; (5) Tăng cường năng lực trong công tác quản lý, đào tạo nguồn nhân lực; và (6) Phát triển thị trường, xúc tiến thương mại và hội nhập quốc tế. Kế hoạch cũng cụ thể hóa nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND và Sở Nông nghiệp & PTNT các tỉnh, thành phố, các Hội, Hiệp hội ngành thủy sản trong việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hành động.

HỢP TÁC QUỐC TẾ

HỢP TÁC QUỐC TẾ CÙNG THÚC ĐẨY SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HỒ TIÊU BỀN VỮNG

Cục Bảo vệ thực vật (BVTV) Bộ Nông nghiệp & PTNT, Tổ chức Sáng kiến Thương mại bền vững (IDH) và Diễn đàn Sáng kiến Gia vị bền vững (SSI) đã ký kết Biên bản ghi nhớ: “Thúc đẩy sản xuất và thương mại hồ tiêu bền vững tại Việt Nam cho giai đoạn 2021-2025”.

Sự kiện có sự tham gia của một số đơn vị trong Bộ Nông nghiệp & PTNT, Phái đoàn Liên minh Châu Âu tại Việt Nam, Đại sứ quán Hà Lan, Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam và một số công ty trong lĩnh vực sản xuất, chế biến và thương mại hồ tiêu.

Theo bản ghi nhớ, các bên tham gia cùng cam kết hợp tác và phối hợp trong việc thực hiện kế hoạch thúc đẩy sản xuất và thương mại hồ tiêu bền vững tại Việt Nam đến năm 2025. Cụ thể, Cục BVTV sẽ đóng vai trò làm đầu mối thúc đẩy việc hoàn thiện hệ thống chính sách và năng lực trong quản lý hướng dẫn sử dụng thuốc BVTV có trách nhiệm.

“Một trong những ưu tiên hàng đầu của việc thực hiện ký kết giữa ba bên là hỗ trợ doanh nghiệp vừa



Lễ ký Biên bản ghi nhớ hợp tác ngày 30/3/2021. (Hàng đầu từ trái sang: ông Alfons Van Gulick (SSI), ông Nguyễn Quý Dương (Cục BVTV) và ông Huỳnh Tiến Dũng (IDH))

và nhỏ, nông dân kiểm soát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong hồ tiêu; liên kết sản xuất theo chuỗi; đẩy mạnh truyền thông và nhân rộng các mô hình sản xuất tiêu an toàn”, ông Nguyễn Quý Dương - Phó Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật cho biết. Một trong những mục tiêu đến năm 2025 là sẽ tạo ra khoảng 60.000 tấn tiêu sản xuất bền vững, 75% hồ tiêu xuất khẩu đáp ứng được nhu cầu của các thị trường phát triển và 25% nông dân được tiếp cận với các mô hình sản xuất an toàn, cải thiện sinh kế.

ĐỐI TÁC “MỘT SỨC KHỎE – MSK” VÀ PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH TỪ ĐỘNG VẬT SANG NGƯỜI

Ngày 23/3/2021, tại Hà Nội, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT Phùng Đức Tiến cùng Thứ trưởng Bộ Y tế Đỗ Xuân Tuyên, Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Võ Tuấn Nhân đã đồng chủ trì Lễ ký kết Đối tác Một sức khỏe Phòng chống Dịch bệnh từ Động vật sang Người (MSK),

giai đoạn 2021-2025.

Mục tiêu chính của thỏa thuận khung đối tác là giảm thiểu nguy cơ lan truyền các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm từ động vật và môi trường sang người.



Khung Đối tác Một sức khỏe giai đoạn 2021-2025

của Việt Nam được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát huy những thành quả của giai đoạn 2016-2020 thông qua sự hợp tác, điều phối đa ngành giữa các Bộ, ban ngành, đặc biệt là sự phối hợp chặt chẽ giữa 03 Bộ (Nông nghiệp và PTNT, Y Tế, Tài nguyên và Môi trường) và sự hỗ trợ về tài chính, tri thức, kinh nghiệm quý báu từ các Đối tác phát triển quốc tế và trong nước nhằm đảm bảo tính toàn diện, phối hợp, thống nhất trong cách thức can thiệp, xử lý dịch bệnh khi xảy ra, cùng nhau chia sẻ đối thoại thực hành tốt và đối thoại chính sách liên quan đến bệnh lây truyền từ động vật sang người.

Thứ trưởng Phùng Đức Tiến tin tưởng rằng với Khung đối tác giai đoạn 2021-2025 đã khắc phục được một số hạn chế của giai đoạn trước, nhấn mạnh vào tính minh bạch, trách nhiệm giải trình của các Bên trong điều phối, đồng thời thể hiện sự quan tâm, cam kết cao của phía Chính phủ Việt Nam cùng chung tay nỗ lực vì Một sức khỏe, cũng như thực hiện các cam kết và nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam trong Chương trình An ninh Y tế Toàn cầu về Phòng chống Bệnh lây truyền từ động vật; Các cơ chế hợp tác khu vực về các bệnh truyền nhiễm từ động vật (ZDAP); về phòng chống Đại và Chiến lược khống chế và loại trừ bệnh Đại khu vực ASEAN vv...

Trong bối cảnh Covid 19, sự hợp tác chung tay của các Đối tác MSK tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2021-2025 bao gồm: (1) Tăng cường xây dựng năng lực thực hiện tiếp cận MSK; (2) Kiểm soát dịch bệnh trên người và các tác nhân gây bệnh có nguồn gốc động vật; (3) Kiểm soát cúm có nguồn gốc động vật có khả năng gây đại dịch; (4) Kiểm soát bệnh đại; (5) Kiểm soát kháng kháng sinh; (6) Kiểm soát các tác nhân trong môi trường có khả năng tác động đến sức khỏe con người; (7)

Tăng cường vận động, huy động nguồn lực cho phòng chống bệnh dịch từ động vật sang người, v.v...

Ông Karmal- Điều phối viên thường trú của Liên Hợp Quốc tại Việt Nam đã bày tỏ cam kết cao cho MSK toàn cầu, khu vực và đặc biệt là cơ chế hợp tác MSK tại Việt Nam. Đồng thời, ông đánh giá cao những nỗ lực của Chính phủ Việt Nam đối với Đối tác Một sức khỏe về phòng chống dịch bệnh từ động vật sang người và cuộc chiến chống Covid 19.

Nhân dịp này, các Đối tác lâu năm và tích cực của Đối tác MSK về phòng chống dịch bệnh từ động vật sang người bao gồm Giám đốc quốc gia, đại diện của EU, ADB, WHO, FAO, JICA, KOICA.... Đại sứ các Đại sứ và Phó Đại sứ của các Đại sứ quán Anh, Pháp, Đan Mạch, Hà Lan, Newzealand và các Đại diện cấp cao của các tổ chức phi chính phủ quốc tế và Hiệp hội... đưa ra kế hoạch, hoạt động về MSK tại Việt Nam và khẳng định sự ủng hộ, đồng hành và cam kết cao nhằm hỗ trợ và thực hiện mục tiêu trong Thỏa thuận Khung đối tác: “Giảm thiểu nguy cơ lan truyền các tác nhân gây bệnh từ động vật và môi trường sang người và kháng kháng sinh thông qua tăng cường phối hợp đa ngành sử dụng phương pháp tiếp cận “Một sức khỏe”.



Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT Phùng Đức Tiến phát biểu tại Lễ ký

Hội nghị tái khẳng định cam kết tăng cường hợp tác trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh từ động vật sang người và tăng cường vai trò đầu mối, chủ trì của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với Khung đối tác MSK về phòng chống dịch bệnh từ động vật sang người, nhấn mạnh vai trò của Văn phòng Ban thư ký đối tác trong việc điều phối Đối tác và các Bên liên quan nhằm thực hiện tốt chức năng, mục tiêu của Khung đối tác một cách hiệu quả.

Giấy phép xuất bản số: 32/GP-XBBT, ngày 19/07/2010, Cục Báo chí - Bộ Thông tin và Truyền thông

Hợp tác xuất bản: Công ty TNHH Dịch vụ và thương mại ATC Việt Nam

Ý kiến đóng góp xin gửi về: Văn phòng ISG, Phòng 102-104, Nhà B4, Bộ Nông nghiệp và PTNT, Số 2, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội

Tel: 024 37711 736 ❖ Email: isgmard@mard.gov.vn ❖ Website: www.isgmard.org.vn